



2024

TUYỂN TẬP BÁO CÁO HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA

KHOA HỌC XÃ HỘI VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

HÀ NỘI - 2024

NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

Địa chỉ: Số 8 phố Tăng Bạt Hổ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

ĐT: 024.39423346 - 024.39424620 * Fax: 024.38224784

Website: www.nxbgtvt.vn * Email: nxbgtvt@fpt.vn

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN, NỘI DUNG:

GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP: Nguyễn Minh Nhật

BIÊN TẬP: Dương Hồng Hạnh

THIẾT KẾ : Phương Linh

In 80 cuốn khổ 20,5 x 29,5cm tại Công ty cổ phần In HD Nhân.

Địa chỉ: Số 1 - Ngõ 82-18 đường Kim Hoàng - Văn Canh - Hoài Đức - Hà Nội.

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4044-2024/CXBIPH/1-88/GTVT.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế - ISBN: 978-604-76-3027-1.

Quyết định xuất bản số: 73 NB/QĐ-XBGT ngày 29 tháng 10 năm 2024.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2024.

LỜI NÓI ĐẦU

Phát triển bền vững là một xu thế tất yếu, là mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc và là Kế hoạch hành động quốc gia của Việt Nam trong giai đoạn tới. Việc phổ biến rộng rãi nhận thức về phát triển bền vững, cung cấp những luận cứ khoa học, chủ trương, chính sách, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực, các kế hoạch và sự tham gia của toàn xã hội vào phát triển bền vững là đòi hỏi cấp thiết hiện nay. Trong bối cảnh này, Khoa học Xã hội có một vai trò tất yếu trong toàn bộ tiến trình phát triển bền vững. Ngoài các định hướng chuyên sâu, Khoa học Xã hội còn có sự phát triển mới mang tính liên ngành và ngày càng gắn bó mật thiết với các ngành khoa học khác để tạo ra cơ sở khoa học tổng hợp và đồng bộ cho việc xây dựng các chiến lược, kế hoạch và giải pháp phát triển bền vững. Nắm bắt xu thế đó, từ năm 2020 Trường Đại học Mở - Địa chất đã coi hoạt động nghiên cứu của Khoa học Xã hội gắn với phát triển bền vững thành nhiệm vụ thường xuyên, trong đó các hội thảo chuyên đề về chủ đề này đã được Nhà trường chủ trì tổ chức, thu hút được sự quan tâm của đông đảo các nhà chuyên môn và nhanh chóng trở thành một hội thảo khoa học cấp quốc gia với tiêu đề “Khoa học xã hội với phát triển bền vững”. Tiếp nối thành công của Hội thảo khoa học quốc gia “Khoa học xã hội với phát triển bền vững” năm 2022 (SSSD 2022), năm 2024, Trường Đại học Mở - Địa chất tiếp tục phối hợp với Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Giao thông Vận tải và Trường Đại học Thủy lợi cùng nhiều đơn vị tham gia khác tổ chức Hội thảo khoa học quốc gia **“Khoa học Xã hội với phát triển bền vững” lần thứ 2 (SSSD 2024)**.

Hội thảo nhằm tạo ra một môi trường bổ ích kết nối các nhà khoa học, các chuyên gia, giảng viên và sinh viên trong và ngoài nước nhằm tăng cường trao đổi tri thức về lý luận và thực tiễn, các kết quả nghiên cứu, nhận dạng xu thế và thách thức mới đối với nghiên cứu và đào tạo khoa học xã hội gắn với sự phát triển bền vững. Đây cũng là dịp để các nhà chuyên môn kết nối, hợp tác trong việc định hướng các chủ đề, đề xuất, xây dựng và triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học mới đáp ứng được các yêu cầu phát triển xã hội và hội nhập quốc tế.

Trong quá trình chuẩn bị Hội thảo, Ban Tổ chức đã nhận được sự hưởng ứng tích cực của các nhà khoa học và chuyên gia đến từ 26 cơ sở giáo dục trên toàn quốc. Hơn 80 dự thảo báo cáo toàn văn của hơn 90 tác giả đã được gửi đến, trong đó 66 báo cáo đã được Hội đồng biên tập lựa chọn để đăng tải trong Tuyển tập Báo cáo Hội thảo khoa học quốc gia **“Khoa học Xã hội với phát triển bền vững” (SSSD 2024)**. Để thuận lợi cho việc tham khảo và tra cứu, Tuyển tập Báo cáo này được tổ chức thành 4 phần, trong đó:

- Phần 1: Những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển bền vững
- Phần 2: Kinh tế, môi trường với phát triển bền vững
- Phần 3: Văn hóa, xã hội với phát triển bền vững
- Phần 4: Giáo dục, đào tạo với phát triển bền vững

Ban Tổ chức trân trọng cảm ơn các nhà khoa học, các chuyên gia và giảng viên đã quan tâm, gửi báo cáo và đăng ký tham gia Hội thảo. Trân trọng cảm ơn Ban Khoa học, Ban Biên tập và các nhà khoa học phản biện đã rất nỗ lực trong việc đọc, góp ý, lựa chọn và biên tập các báo cáo để nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu chuyên môn và góp phần vào thành công của Hội thảo này.

TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC

GS.TS. Trần Thanh Hải

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	5
PHẦN I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	15
1. QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA CÁC TRỤ CỘT TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ SỰ HÀI HÒA GIỮA CÁC TRỤ CỘT TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	
<i>Ngô Văn Hưởng.</i>	17
2. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM HIỆN NAY	
<i>Nguyễn Thế Tấn</i>	24
3. NHẬT BẢN VÀ TRUNG QUỐC TRÊN CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: HƯỚNG ĐI CHO VIỆT NAM	
<i>Trịnh Huy Hồng, Phan Yến Trang</i>	35
4. CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM	
<i>Nguyễn Thị Thúy Hà</i>	48
5. BÀI HỌC KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI CHÍNH SÁCH BẢO VỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỦA VIỆT NAM THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỪ MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG XANH CỦA HÀN QUỐC	
<i>Nguyễn Thị Cẩm Tú</i>	56
6. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC: NHÌN TỪ GÓC ĐỘ QUY LUẬT MÂU THUẤN	
<i>Đặng Thị Minh Phương</i>	65
7. QUAN ĐIỂM CỦA PH. ĂNGGHEN VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI VIỆC HÌNH THÀNH TƯ DUY XANH TRONG PHÁT TRIỂN NGÀY NAY	
<i>Đào Thu Hiền</i>	75
8. VỀ SỰ LỰA CHỌN CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM	
<i>Đỗ Thị Vân Hà</i>	82

9. NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT VỀ VAI TRÒ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN

Trần Thị Phúc An 90

PHẦN II: KINH TẾ, MÔI TRƯỜNG VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 100

10. THỰC TRẠNG ÁP DỤNG ESG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Hoàng Thị Thủy 101

11. BẢO ĐẢM AN NINH LƯƠNG THỰC: NHỮNG THÁCH THỨC ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Trung Hiếu 109

12. BÀN VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TÂM LINH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Trần Thị Lan Hương 119

13. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH BIỂN Ở CÁC TỈNH VEN BIỂN MIỀN TRUNG CỦA VIỆT NAM

Dương Thị Tuyết Nhung 127

14. PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG GẮN VỚI BẢO TỒN, PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HOÁ VÙNG TÂY BẮC

Nguyễn Thị Thu Hương 136

15. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI TỈNH VĨNH PHÚC

Nguyễn Thị Kim Chung 145

16. BÀN VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

Trần Thị Lan Hương 153

17. XU HƯỚNG THAM GIA LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG CỦA NGƯỜI CAO TUỔI Ở VIỆT NAM

Phí Mạnh Phong. 161

18. THỰC TRẠNG NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Đỗ Đức Ánh; Lê Minh Thống; Nguyễn Thanh Thủy 168

19. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP TRONG BẢO VỆ QUYỀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG THEO HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Thị Ngọc Anh 177

20. XU HƯỚNG NGHÈO CỦA NGƯỜI CAO TUỔI Ở VIỆT NAM: BẰNG CHỨNG TỪ KHẢO SÁT QUỐC GIA

Phí Mạnh Phong 184

21. VAI TRÒ CỦA NGUỒN NHÂN LỰC AN TOÀN THÔNG TIN TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Hoàng Thị Giang 192

22. NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM CỦA CỘNG ĐỒNG ĐỐI VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Vũ Công Thương, Trần Thị Thủy 204

23. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN, DOANH NGHIỆP VÀ NGƯỜI DÂN TRONG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nguyễn Thị Nguyệt 214

24. NHU CẦU TỐI THIỂU VÀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỀ MÔI TRƯỜNG

Lê Quốc Hiệp 222

25. TÍNH TẤT YẾU VÀ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Thị Nga 231

26. QUÂN ĐỘI THỰC HIỆN CHỨC NĂNG SẢN XUẤT, PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Ngô Văn Dương 241

PHẦN III: VĂN HÓA, XÃ HỘI VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 251

27. GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Lã Quý Đô 253

28. SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG VỀ VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Ngô Văn Hưởng 262

29. XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM TIỀN TIẾN, ĐẠM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH NHẪM ĐÁP ỨNG NHU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC

Trần Thị Mai Thanh 271

30. GIÁ TRỊ VĂN HÓA DÂN TỘC VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Phạm Thị Thương 280

31. SỨC MẠNH MỀM BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA - TIẾP CẬN DƯỚI GÓC ĐỘ VĂN HÓA

Nguyễn Tuấn Dũng 288

32. GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG TỈNH AN GIANG (Qua nghiên cứu tám Bảo vật Quốc gia)

Đào Vĩnh Hợp 295

33. BẢO TỒN GIÁ TRỊ LỄ CẤP SẮC CỦA NGƯỜI DAO THANH Y TẠI XÃ THƯỢNG YÊN CÔNG, THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH HIỆN NAY

Nguyễn Thu Thủy 306

34. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÙNG TÂY BẮC HIỆN NAY

Trần Thị Phương Nga 314

35. GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Cao Xuân Sáng 323

36. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT HUY NGUỒN LỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ NHẪM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC

Bùi Thị Thùy Dương 333

37. TÁC ĐỘNG CỦA ĐÔ THỊ HÓA ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Trịnh Thị Thu Hằng 344

38. BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ
VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Định Thị Thúy Hương, Đào Ngọc Anh 354

39. BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT
NAM HIỆN NAY: NHỮNG THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI

Vũ Thị Mai Lương 362

40. BẤT BÌNH ĐẲNG GIỚI ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM
TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

Trần Thị Tâm 375

41. THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ Ở TỈNH LÂM
ĐỒNG GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG QUỐC GIA

Nguyễn Thị Vân Anh 386

42. THÚC ĐẨY BÌNH ĐẲNG GIỚI THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH ĐỂ PHÁT
TRIỂN BỀN VỮNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Phạm Thanh Thủy 398

43. BÀN VỀ THỰC TRẠNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI ĐỒNG TÍNH,
SONG TÍNH TẠI NƠI LÀM VIỆC Ở KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
VĨNH PHÚC

Nguyễn Thị Mai Hương, Ngô Thái Hà 408

44. HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Bùi Thị Thùy Dương 417

45. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CON NGƯỜI - GIÁ TRỊ NHÂN VĂN TRONG DI CHỨC
CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Huyền Chi, Thân Thị Giang 428

46. NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG NÔNG DÂN THEO TƯ
TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Nguyễn Thị Kim Dung 436

47. QUYỀN CỦA TRẺ EM KHUYẾT TẬT THEO CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VÀ PHÁP
LUẬT VIỆT NAM

Đào Thị Tuyết 445

48. XÂY DỰNG VĂN MINH TRONG CÔNG TÁC LÀM TỪ THIỆN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Thị Thu Trà 453

PHẦN IV: GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 463

49. VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Thân Thị Hạnh 465

50. MINH TRIẾT TRONG TÁC PHẨM “SỨC KHỎE VÀ THỂ DỤC” CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Trần Thị Thu Hoài 475

51. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ SỰ KẾT HỢP “ĐỨC TRỊ” VỚI “PHÁP TRỊ” - GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Lê Thị Yến 487

52. KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY – THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Trần Thị Phúc An 495

53. MỘT SỐ GIẢI PHÁP QUẢN TRIỆT QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC TRONG GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN HIỆN NAY

Đình Thanh Xuân 507

54. PHÁT HUY VAI TRÒ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

Đặng Thị Thanh Trâm 515

55. GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC SINH THÁI CHO SINH VIÊN - YẾU TỐ QUAN TRỌNG GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Phan Thị Hồng Duyên, Lê Thị Ngọc Thùy 523

56. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Xuân Quỳnh 532

57. CHÍNH SÁCH KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Dương Quỳnh Trang 541

58. NÂNG CAO Ý THỨC ĐẤU TRANH, PHÒNG, CHỐNG CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG CHO SINH VIÊN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC HIỆN NAY

Nguyễn Đức Khiê 550

59. QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Trần Thanh Hanh 558

60. VẠCH TRẦN ÂM MƯU, THỦ ĐOẠN CHỐNG PHÁ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH TRÊN LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đặng Thị Thanh Trâm 569

61. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ VẤN ĐỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

Đinh Thanh Xuân, Trần Mai Ước, Lưu Đình Vinh 578

62. NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC LỰA CHỌN, SỬ DỤNG VÀ BỒI DƯỠNG NHÂN TÀI GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Mai Diệu Anh 590

63. CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA PHÁT TRIỂN VÀ NHỮNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHO VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thanh Thương, Hoàng Thu Trang 600

64. XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG NHÂN TÀI TRẺ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Đỗ Quang Huy 609

65. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Nguyễn Tuấn Vương 619

66. RÈN LUYỆN NHÂN CÁCH NGƯỜI CÔNG AN NHÂN DÂN VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Lã Thị Huyền Trang 629

BÀN VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TÂM LINH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*Trần Thị Lan Hương**

Tóm tắt: Du lịch tâm linh là hướng phát triển du lịch đáp ứng cùng lúc nhiều mục tiêu vi mô và vĩ mô trong phát triển kinh tế - xã hội và giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Hướng phát triển du lịch tâm linh đã sớm được nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam tập trung đầu tư, khai thác, phát triển. Trong bài viết này, tác giả tập trung bàn về một số vấn đề trong phát triển du lịch tâm linh ở Việt Nam hiện nay, cụ thể: Một là, khái lược vai trò “đòn bẩy” của du lịch tâm linh trong phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam. Hai là, nhận diện và chỉ ra những mối quan hệ lớn cần giải quyết trong phát triển du lịch tâm linh ở Việt Nam. Ba là, bước đầu đưa ra một số đề xuất, khuyến nghị để phát triển du lịch tâm linh ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: Du lịch tâm linh, du lịch, phát triển du lịch

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển du lịch nói chung và du lịch văn hóa, du lịch tâm linh nói riêng đã trở thành một xu thế tất yếu trong phát triển bền vững. Không thể phủ nhận rằng việc đầu tư cho ngành công nghiệp không khói này thực sự đã tạo ra những giá trị kinh tế, văn hóa, xã hội vượt bậc cho các quốc gia, dân tộc. Vấn đề đặt ra là, cùng với việc mở rộng quy mô khai thác, kết nối các lộ trình du lịch ở phạm vi quốc gia, khu vực, thế giới... du lịch tâm linh thực sự đặt ra nhiều vấn đề cấp bách cần phải giải quyết. Cái giá phải trả của sự đầu tư thiếu chính xác, sự khai thác dàn trải, sự tận thu, thậm chí sự phân tách thiếu chuẩn xác giữa giá trị và phản giá trị... trong du lịch tâm linh có thể để lại những hậu quả lâu dài trên diện rộng. Chính vì vậy, để du lịch tâm linh tiếp tục tạo ra giá trị trong phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam, rất cần có sự nghiên cứu, đánh giá một cách tổng thể và chi tiết trên cơ sở có tính đến việc ưu tiên giải quyết các mối quan hệ lớn trong bối cảnh hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Du lịch tâm linh - một đòn bẩy phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam

Theo từ điển Wikipedia, du lịch tâm linh hay còn gọi là du lịch hành hương hoặc du lịch theo đức tin là một loại hình du lịch hướng đến việc hành hương vì mục tiêu

* TS. Trường Đại học Mở - Địa chất.

tôn giáo hoặc tâm linh thông qua việc tham quan các di tích, di vật, công trình, đồ tạo tác tôn giáo. Như vậy có thể hiểu du lịch tâm linh có điểm khởi phát từ hoạt động hành hương - hoạt động tôn giáo của các tín đồ để chứng tỏ lòng thành bằng hành trình dài, gian nan hướng về vùng đất thánh. Tuy cùng là hành trình về các vùng thánh địa song mục đích, chủ thể, tính chất... của du lịch tâm linh và hành hương là khác nhau.

Là một hoạt động du lịch, du lịch tâm linh nằm trong mối quan hệ mật thiết với du lịch văn hóa và các hoạt động tôn giáo tín ngưỡng. Giữa các phạm trù này có những nội dung chồng lấn, giao thoa nhưng vẫn có nhiều khác biệt về nội hàm và ngoại diện. Du lịch văn hóa là loại hình du lịch được hình thành và phát triển trên cơ sở khai thác các giá trị văn hóa, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, tôn vinh giá trị văn hóa mới của nhân loại, quốc gia, vùng, miền, đặc biệt là lối sống của người dân ở những khu vực địa lý, lịch sử với những giá trị văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc đặc thù.

Du lịch tâm linh giao thoa với du lịch văn hóa. Tài nguyên du lịch văn hóa vật thể và phi vật thể như: di tích lịch sử - văn hóa, di tích cách mạng, khảo cổ, lễ hội truyền thống, văn nghệ dân gian... cũng là đối tượng mà du lịch tâm linh đưa vào khai thác. Tuy vậy, du lịch tâm linh vẫn được xem là loại hình du lịch riêng biệt bởi hoạt động du lịch tâm linh ngoài đưa du khách đến tham gia các hoạt động hành lễ, chiêm bái các công trình tôn giáo, các di sản văn hóa... thì còn có các hoạt động trải nghiệm tại các khu vực khác không phải là di sản văn hóa chẳng hạn như các công trình chùa chiền xây dựng mới, các khu du lịch sinh thái.

Chính sự đan xen giữa du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, hoạt động tín ngưỡng địa phương... đã tạo ra một thị trường du lịch sôi động và không đồng nhất. Tính thống nhất trong đa dạng khiến cho mỗi hình thức đều phải tự tìm ra hướng phát triển mang tính đặc biệt đồng thời kết hợp một cách hợp lý tỷ trọng của các hình thức du lịch khác khi cùng khai thác trong môi trường du lịch chung. Trong tính tổng thể đó, du lịch tâm linh cho thấy tương lai phát triển khi có sẵn nền, cốt là hệ thống ổn định với hoạt động tôn giáo tín ngưỡng, văn hóa truyền thống ở phạm vi địa phương, quốc gia, dân tộc và mở rộng tính tương liên đến chuỗi du lịch tâm linh có tính kết nối của khu vực, thế giới.

Với tính đặc thù là khởi phát từ nhu cầu đời sống tinh thần, đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của người dân, ngay từ đầu, du lịch tâm linh có thể xem là một ngành khai thác có thể mạnh khi có sẵn tập khách hàng ổn định và việc khai thác có tính chu kỳ lặp lại đối với tập khách hàng này. Không những thế, tập khách hàng của du lịch tâm linh còn có xu hướng mở rộng đối tượng không ngừng bởi lẽ khi đời sống vật chất được nâng cao thì nhu cầu hướng đến các giá trị tâm linh càng được chú trọng. Giống như một phương cách đối trọng với áp lực vô hình từ xã hội, môi trường giao tiếp,

công việc... trong thế giới hội nhập, du lịch tâm linh hiện còn được coi như một liều thuốc “chữa lành” được không ít người lựa chọn. Từ phương diện này đã có thể thấy được một phần vai trò “đòn bẩy” của du lịch tâm linh trong phát triển du lịch nói riêng và góp phần tạo ra chuỗi giá trị trong phát triển bền vững nói chung.

Du lịch tâm linh, khi được đầu tư, khai thác bài bản, có lộ trình trên cơ sở tính đến việc chia giai đoạn, xét tính chu kỳ sẽ không chỉ tạo ra lực đẩy thúc đẩy tăng doanh thu của ngành du lịch mà thực sự có thể tiếp tục tạo ra hệ giá trị có tính bền vững khi góp phần bảo tồn, phổ biến văn hóa truyền thống của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa khu vực và thế giới. Trong tính thực tiễn của mình, du lịch tâm linh trở thành đòn bẩy hữu hiệu khi tạo ra môi trường, việc làm, thu nhập cho cư dân địa phương, tăng thu cho ngân sách. Không chỉ vậy, du lịch tâm linh tạo đòn bẩy khi lan tỏa và nhân rộng nhu cầu tăng cường hiểu biết, giao lưu tìm hiểu giữa các tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau, giữa người theo và không theo tôn giáo... góp phần quảng bá, giữ gìn và phát huy, tôn vinh giá trị văn hóa truyền thống dân tộc. Một cách hết sức tự nhiên, du lịch tâm linh góp phần hướng con người đến những cái đẹp hiện hữu nhưng lại mang giá trị nhân văn, nhân đạo sâu sắc – điều mà du lịch truyền thống theo nghĩa thường ngoạn bấy lâu còn bỏ ngỏ. Cùng với đó, với hệ thống các cơ sở tôn giáo tín ngưỡng nhiều, phân bố rộng khắp trên cả nước, cộng với một cơ chế chính sách tín ngưỡng, tôn giáo luôn được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm chỉ đạo hoàn toàn có thể nhìn thấy rõ tiềm năng khai thác tính “đòn bẩy” của du lịch tâm linh trong phát triển bền vững ở Việt Nam.

2.2. Nhận diện một số mối quan hệ lớn trong phát triển du lịch tâm linh ở Việt Nam

Khi du lịch tâm linh đã và đang tiếp tục chứng minh vai trò của nó trong phát triển bền vững của đất nước, trở thành một xu hướng có tính tất yếu lâu dài thì không thể không tính đến những mặt trái của tác động thị trường, những biến tướng, những dạng thức trá hình du lịch tâm linh, những hậu quả phái sinh trong quá trình phát triển văn hóa tâm linh về môi trường, cảnh quan, văn hóa đời sống tinh thần của người dân địa phương. Những vấn đề đặt ra này đòi hỏi phải có một sự nghiên cứu toàn diện, đánh giá khách quan với sự phối kết hợp của nhiều bộ ban ngành và cũng cần lộ trình dài lâu với từng giai đoạn được phân chia, đầu tư hợp lý.

Thứ nhất, về mối quan hệ giữa tính “tính tâm linh” và “tính lợi nhuận” trong phát triển du lịch tâm linh.

Thực tế là, “Về bản chất, du lịch trước tiên phản ánh mối quan hệ giữa con người và tự nhiên; trong đó con người thường ngoạn vẻ đẹp của tự nhiên hoặc nhân tạo nhằm thỏa mãn nhu cầu tinh thần của bản thân. Nhưng để đạt được mục đích đó, con người phải rời xa nơi cư trú thường xuyên của mình, vì vậy mà nảy sinh ra mối quan hệ lợi

ích giữa người sản xuất và tiêu dùng các sản phẩm du lịch. Trong đó, người tiêu dùng tối đa hóa lợi ích về vật chất và tinh thần, còn người kinh doanh tối đa hóa lợi nhuận dưới sự điều tiết của các quy luật thị trường” [1, tr. 16]. Vấn đề đặt ra là, với tính đặc thù của mình, du lịch tâm linh cũng có thể được coi là một loại hình kinh doanh đặc biệt – kinh doanh giá trị tâm linh. Bởi vậy, việc xử lý mối quan hệ giữa “tính tâm linh” và “tính lợi nhuận” thực sự là một yêu cầu vừa có tính cấp bách vừa có tính lâu dài.

Những con số biết nói trong báo cáo kinh tế xã hội của các địa phương phát triển mạnh du lịch nói chung và du lịch tâm linh nói riêng phần nào cho thấy mặt tích cực khi “tính lợi nhuận”. Tuy vậy, với mục tiêu tăng đều, tăng nhiều nguồn thu này, tính lợi nhuận đang trực tiếp và gián tiếp làm sai lệch “tính tâm linh”. Hiện tượng ăn theo, buôn thần bán thánh, phản giá trị núp bóng giá trị... xuất hiện ngày càng nhiều ở các khu du lịch tâm linh đang là vấn nạn cần được xử lý một cách triệt để. Cần phải thấy rõ rằng, trong mối quan hệ biện chứng này, “tính lợi nhuận” và “tính tâm linh” thống nhất, gắn bó mật thiết với nhau. “Tính tâm linh” có thể xem như yếu tố nền tảng, mặt hàng chủ chốt sẵn có còn “tính lợi nhuận” có ảnh hưởng lớn, thậm chí quyết định từng mức, hiệu suất của việc khai thác, đầu tư phát triển “tính tâm linh”. Để hút khách du lịch, thu được lợi nhuận cao, đương nhiên cần đầu tư cho “tính tâm linh”. Đó là lý do tại sao chùa chiền được xây dựng ngày một nhiều, ngày một lớn và các dịch vụ phái sinh theo đó cũng không ngừng được mở rộng. Lợi nhuận thu được từ kinh doanh du lịch tâm linh bao gồm chi phí mà khách du lịch chi trả cho chuyến du lịch của mình. Chẳng hạn như: tiền tour, tiền vé vào khu du lịch, tiền chi cho các hoạt động dịch vụ ăn uống, nghỉ ngơi, lưu trú qua đêm, phí trông giữ xe cộ, bán hàng lưu niệm, tiền công đức... Tuy vậy, vấn đề đặt ra là càng mở rộng quy mô càng khó kiểm soát, càng tận thu càng làm biến dạng không gian văn hóa tâm linh. Như vậy, vô hình chung, “tính lợi nhuận” đang mâu thuẫn với “tính tâm linh” vốn có, thậm chí chúng còn dần triệt tiêu nhau. Làm thế nào mở rộng không gian du lịch tâm linh, tăng thu từ hoạt động này mà vẫn duy trì tính thiêng đặc thù tại các địa bàn tâm linh, không để cho các phản giá trị núp bóng tâm linh trục lợi... Không thể vì lợi nhuận trước mắt mà làm cho các không gian tâm linh thành “chợ tâm linh” với đủ các thành phần bán mua và dịch vụ ăn theo.

Việc phát triển du lịch tâm linh nếu buông lỏng quản lý, quá chú trọng giá trị lợi nhuận có thể đẩy đến nguy cơ phá vỡ và giảm dần “tính tâm linh” và tạo địa bàn cho các phản giá trị, các tệ nạn mê tín dị đoan lên ngôi với việc buôn thần bán thánh... Những điều này đòi hỏi cần có thời gian, sự chỉ đạo liên tục từ Đảng và Nhà nước cũng như sự phối hợp của chính quyền, bộ phận quản lý các cấp và nâng cao nhận thức của chính người dân địa phương.

Thứ hai, về mối quan hệ giữa tính cạnh tranh trong kinh doanh và tính đặc thù của kinh doanh văn hóa tâm linh. Đây là vấn đề có tính cấp bách và luôn làm đau đầu

các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý, kinh tế... Một mặt tính cạnh tranh trong kinh doanh là yếu tố nội sinh, là mâu thuẫn tạo ra động lực của sự phát triển. Mặt khác, tính cạnh tranh trong kinh doanh đưa đến kết quả tất yếu của thị trường như: được mất, thắng thua, nhiều ít thậm chí tồn tại và phá sản. Thực tế là, tính đặc thù trong kinh doanh văn hóa tâm linh trước hết đòi hỏi những người kinh doanh phải kinh doanh có văn hóa vì sớm hay muộn tính cạnh tranh và lợi nhuận trước mắt cũng sẽ ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh, đạo đức kinh doanh ở các khu du lịch tâm linh. Trong khi đó, tâm linh khi trở thành hàng hóa đặc biệt, bản thân sản phẩm đã đòi hỏi một phương thức kinh doanh đặc thù so với các sản phẩm thông thường khác. Các sản phẩm vật chất thông thường khi được với yếu tố linh thiêng đều tạo ra giá trị cao hơn nhiều giá trị thực và thậm chí là siêu giá trị. Chẳng hạn như: tràng hạt được làm phép, linh vật được khai nhãn, lá bùa được... Gần như tất cả các vật phẩm như chuông, tượng phật, tượng thánh, bình hoa, nhang đèn...khi được kinh doanh ở những khu du lịch tâm linh hoặc đuwocj kinh doanh bởi những người có liên quan đến tâm linh đều đuwocj đẩy lên cao gấp nhiều lần giá trị thực. Cùng với đó là hiện tượng tranh giành khách, mời chào, ép buộc thậm chí lừa khách du lịch mua hàng hóa không chất lượng. Hiện tượng thô thiển hóa các hoạt động tâm linh vì mục tiêu thu lợi nhuận xuất hiện ngày càng nhiều

Cạnh tranh là tất yếu, hậu quả của mặt trái của cơ chế thị trường là không thể bàn cãi song cạnh tranh trong kinh doanh văn hóa tâm linh, thiết nghĩ cần có sự can thiệp mạnh hơn nữa bởi tính không lành mạnh trong thị trường “béo bở” này không chỉ là tăng hay giảm lợi nhuận mà nó còn có thể phá hủy từ từ các giá trị văn hóa tâm linh vật thể, phi vật thể, làm biến tướng, méo mó, lệch chuẩn các giá trị văn hóa tinh thần truyền thống và để lại hậu quả lâu dài về sau. Giải quyết từng bước mối quan hệ giữa tính cạnh tranh tất yếu trong kinh doanh và tính cạnh tranh có tính đặc thù trong kinh doanh văn hóa tâm linh là vấn đề vừa có tính cấp bách, vừa có tính lâu dài trên cả bình diện vi mô và vĩ mô.

Thứ ba, mối quan hệ giữa nền tảng, tiềm năng, kỳ vọng và thực tế khai thác trong du lịch tâm linh ở Việt Nam hiện nay.

Tại Việt Nam, theo thống kê hiện có khoảng 50.700 cơ sở tín ngưỡng và 8000 lễ hội. Du lịch tâm linh đã khẳng định vị trí của một lĩnh vực có tiềm năng lớn, đóng góp nhiều vào nguồn thu của địa phương với chu kỳ đều và lâu dài. Kỳ vọng phát triển du lịch tâm linh ở Việt Nam trong thời gian tới đây là hoàn toàn có cơ sở khi lĩnh vực tôn giáo, tín ngưỡng đang tiếp tục nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, tiếp tục có những đầu tư cả về chất và lượng. Đời sống kinh tế, chính trị, xã hội ổn định cũng đã và đang thúc đẩy nhu cầu đi du lịch của người dân. Xu hướng đi du lịch tâm linh đang là một hình thức đạt cùng lúc nhiều tiêu chí khi vừa du lịch vừa mở rộng tầm hiểu biết thậm chí chữa bệnh – chữa lành. Nếu có lộ trình khai thác một cách hiệu quả,

du lịch tâm linh còn có thể tiếp tục đóng góp vào chuỗi giá trị truyền thống, không chỉ thu hút khách du lịch trong nước mà còn mở rộng quảng bá hình ảnh Việt Nam, thu hút khách quốc tế.

Tuy là lĩnh vực có tiềm năng và nhận được sự quan tâm đầu tư lớn song trên thực tế hiệu quả khai thác của du lịch tâm linh vẫn còn nhiều hạn chế và chủ yếu dừng ở tính sẵn có, bề nổi, thời vụ. Phần lớn các khu du lịch tâm linh đều rất hạn chế trong việc đầu tư, bảo tồn, phát triển và khai thác cho tính tâm linh đúng nghĩa mà chủ yếu đầu tư mở rộng hạ tầng, xây chùa to, tượng lớn, tổ chức nghi lễ hoành tráng...để thu hút khách du lịch. Du lịch tâm linh trên cả nước chủ yếu gần như chỉ tập trung vào một số thời điểm nhất định trong năm như đầu xuân năm mới, cuối năm và các ngày kỷ niệm cố định của từng địa phương, từng tôn giáo, tín ngưỡng. Một số địa điểm du lịch tâm linh thường được khách du lịch lựa chọn như: chùa Hương, Đền Hùng, Yên Tử, chùa Bái Đính, đền Trần, chùa Tam Chúc, nhà thờ Phát Diệm, nhà thờ Đức Bà, nhà thờ gỗ KonTum, miếu Bà chúa xứ An Giang, thiền viện Trúc lâm (Đà Lạt), chùa Thiên Mụ, chùa Linh Ứng...

Tiềm năng khai thác lớn, khách hàng tiềm năng nhiều và ngày càng trẻ hóa, phong phú về độ tuổi song du lịch tâm linh nói chung vẫn chỉ hấp dẫn khách mới theo mùa vụ, số lượng khách du lịch cũ có nhu cầu quay trở lại địa phương, lặp lại tour du lịch tâm linh rất hạn chế, nếu có thì đa phần chính là những người có tín ngưỡng tôn giáo. Thành thử ra, du lịch tâm linh ở một khía cạnh thực tế mà xét, vẫn chưa khai thác tối đa được giá trị và tiềm năng vốn có của nó. Nhìn chung, đầu tư cho du lịch tâm linh ở Việt Nam hiện nay còn mang tính dàn trải, phát triển chiều rộng nhiều hơn chiều sâu. Hoạt động du lịch tâm linh chủ yếu tập chung vào các nội dung: thưởng ngoạn, lễ bái, chụp hình lưu niệm... Các hoạt động trải nghiệm, tham gia thực hành các nghi thức tâm linh có nhưng còn mang tính hình thức cho có. Mục tiêu tạo ra các giá trị tinh thần tích cực, bền vững, tăng vốn hiểu biết về văn hóa truyền thống... còn chưa cho thấy hiệu quả cao. Các phản giá trị núp bóng giá trị ngày một nhiều, hoạt động mê tín dị đoan, buôn thần bán thánh, ngụy tạo các câu chuyện ma mị để câu dẫn, lừa đảo khách du lịch vẫn còn khá phổ biến.

2.3. Đề xuất, khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả phát triển du lịch tâm linh ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay

Tháng 11/2013 Việt Nam đã lần đầu tiên tổ chức “Hội nghị Quốc tế về du lịch tâm linh vì sự phát triển bền vững” tại Ninh Bình với mục đích: tăng cường các khuôn khổ chính sách, thúc đẩy hợp tác với cộng đồng, bảo vệ, giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống; xây dựng các quy định về tài nguyên, sản phẩm du lịch tâm linh; khuyến khích giáo dục và đào tạo, nâng cao năng lực hiểu biết của cộng đồng trong việc quản lý du lịch; thúc đẩy và ủng hộ sự tiến bộ xã hội của cộng đồng, các nhóm dân cư thông

qua phát triển du lịch tâm linh; tăng cường hợp tác quốc tế. Để phát triển du lịch tâm linh đã có những chỉ đạo sát sao từ Đảng và Nhà nước, đã có sự phối kết hợp triển khai của các Bộ, Ban, Ngành, chính quyền, đoàn thể, nhân dân. Trong thời gian tới để tiếp tục phát huy sức mạnh đòn bẩy của du lịch tâm linh, cần tiếp tục giải quyết thật tốt các mối quan hệ lớn như: quan hệ giữa tính tâm linh và tính lợi nhuận; giữa tính cạnh tranh trong kinh doanh và tính đặc thù của kinh doanh văn hóa tâm linh; giữa nền tảng, tiềm năng, kỳ vọng và thực tế khai thác trong du lịch tâm linh. Khi giải quyết các mối quan hệ này, trước tiên cần quán triệt nguyên tắc khách quan, toàn diện, lịch sử cụ thể. Thiếu tính khách quan, phiến diện hoặc không tính đến điều kiện lịch sử cụ thể khi giải quyết các mối quan hệ lớn trong phát triển du lịch tâm linh đều có thể đưa đến những hậu quả khó lường. Thứ đến, cần phải nhấn mạnh lại rằng, du lịch tâm linh trực tiếp gắn với vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng, cho nên trước tiên cần gắn với quyền lợi, nghĩa vụ của chính người dân tại địa phương. “Một khi nhu cầu chính đáng của quần chúng tôn giáo được mãn nguyện, phải chăng chính họ chứ không phải ai khác là người bảo vệ tôn giáo của họ được lành mạnh, là người cương quyết chống lại những phần tử lợi dụng đức tin, một trong những điều thiêng liêng nhất của họ, vào những mưu đồ đen tối về chính trị, văn hóa, kinh tế” [4, tr. 348]. Trong thời gian tới, để tiếp tục nâng cao hiệu quả phát triển du lịch tâm linh cả về chiều rộng và chiều sâu, cần tiếp tục áp dụng đồng bộ và có hiệu quả nhiều giải pháp trong đó có thể cân nhắc tập trung vào một số nội dung sau: *Thứ nhất*, để tiếp tục giải quyết mối quan hệ giữa tính tâm linh và tính lợi nhuận cần xây dựng cơ chế xử lý nghiêm khắc, triệt để, mạnh tay với những sai phạm trong đầu tư xây dựng, phát triển, khai thác các khu du lịch tâm linh. Triệt để khắc phục tệ nạn chùa giả, buôn thần bán thánh, tình trạng lợi dụng yếu tố tâm linh để trục lợi hay chia rẽ tôn giáo, phân biệt vùng miền.

Thứ hai, để tiếp tục giải quyết mối quan hệ giữa tính cạnh tranh trong kinh doanh và tính đặc thù của kinh doanh văn hóa tâm linh cần xây dựng lộ trình và công khai chính sách hỗ trợ đào tạo nhân lực địa phương tại chỗ có tính đến cơ cấu thay thế, kế cận, yếu tố trình độ văn hóa, ngoại ngữ. Bên cạnh đó cần triển khai đầy mạnh phổ biến rộng rãi hơn nữa các chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư, chế độ khuyến khích, ưu tiên, ưu đãi đối với du lịch tâm linh để người dân địa phương tại chỗ nắm được.

Thứ ba, để tiếp tục giải quyết quan hệ giữa nền tảng, tiềm năng, kỳ vọng và thực tế khai thác trong du lịch tâm linh cần có “kịch bản” cho mục tiêu phát triển bền vững lâu dài và “kịch bản” thường niên cũng như cách thức khắc phục, điều chỉnh hàng năm nhằm giảm tính lặp lại gây nhàm chán và kích thích nhu cầu lặp lại gói du lịch. Đồng thời cần nghiên cứu đa dạng hóa gói sản phẩm du lịch tâm linh, mạnh dạn đầu tư thử nghiệm “trải nghiệm du lịch tâm linh online” để bước đầu quảng và kích thích nhu cầu trải nghiệm hoạt động tâm linh của khách du lịch. “Để phát huy hơn nữa thế mạnh du lịch tâm linh tại các địa phương, qua đó nâng cao thu nhập cho người dân

trên địa bàn, các chuyên gia cho rằng, cần phát triển đồng bộ các loại hình du lịch tâm linh - sinh thái - nghỉ dưỡng để giữ chân du khách được lâu hơn và tạo điều kiện cho du khách chi tiêu nhiều hơn” [3].

3. KẾT LUẬN

Phát biểu tại Hội nghị quốc tế về du lịch tâm linh vì sự phát triển bền vững (tháng 7/2013), nguyên Phó chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan khẳng định: “Du lịch tâm linh vốn không chỉ là hoạt động hành hương, tôn giáo, tín ngưỡng thuần túy mà còn là động lực thúc đẩy giao lưu văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội. Đó cũng là cách thức để thế hệ hôm nay bày tỏ sự tưởng nhớ và ngưỡng mộ đối với công lao của các bậc tiền bối. Sử dụng có trách nhiệm và bền vững các giá trị văn hóa và tự nhiên trong phát triển du lịch tâm linh sẽ mang lại cơ hội việc làm, tạo thu nhập, giảm nghèo, tăng cường tình đoàn kết hữu nghị, hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc” [2]. Để du lịch tâm linh thực sự phát huy được vai trò “đòn bẩy” trong phát triển du lịch bền vững thì cần tiếp tục có những kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn ở cả phạm vi địa phương và cả nước và cần có sự chung tay, chung sức, chung lòng của người dân cùng với bộ phận quản lý các cấp từ trung ương đến địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] PGS.TS Bùi Thanh Thủy (2020), *Tác động của du lịch đến đời sống kinh tế xã hội của cộng đồng dân cư tại một số khu du lịch vùng đồng bằng Bắc Bộ*, Nxb KHXH.

[2] Thu Thủy (2013), *Hội nghị quốc tế về du lịch tâm linh vì phát triển bền vững, Báo Quân đội nhân dân*. Theo <https://www.qdnd.vn/kinh-te/cac-van-de/hoi-ngghi-quoc-te-ve-du-lich-tam-linh-vi-su-phat-trien-ben-vung-390798>

[3] Tài Tâm (2023), *Doanh thu từ các địa điểm du lịch tâm linh hiện tại còn rất khiêm tốn, Thời báo Tài chính Việt Nam*. Theo <https://dtg.thoibaotaichinhvietnam.vn/doanh-thu-tu-cac-dia-diem-du-lich-tam-linh-tai-con-rat-khiem-ton-141904.html>

[4] Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

BÀN VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

*Trần Thị Lan Hương**

Tóm tắt: Thực tiễn cho thấy việc phát triển nhanh, mạnh ngành du lịch tất yếu sẽ ảnh hưởng đến môi trường sinh thái một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Xử lý mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường sinh thái là đòi hỏi vừa có tính cấp bách, thường xuyên vừa có tính chiến lược lâu dài trong phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay. Bàn về mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường sinh thái ở Việt Nam hiện nay, tác giả tập trung vào một số nội dung chính: Một là, khái quát những chủ trương cơ bản của Đảng và Nhà nước về phát triển du lịch. Hai là, phân tích mối quan hệ biện chứng giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường sinh thái. Ba là, đưa ra một số đề xuất, khuyến nghị nhằm giải quyết hiệu quả hơn nữa mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường sinh thái trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: Phát triển du lịch, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh hội nhập hiện nay, phát triển du lịch thực sự đã đưa lại những giá trị kinh tế, xã hội vượt bậc. Các quốc gia có tiềm năng phát triển du lịch trong đó có Việt Nam đã nắm bắt cơ hội và khai thác triệt để thế mạnh của ngành công nghiệp không khói này. Nguồn thu bổ sung cho ngân sách nhà nước từ ngành du lịch mặc dù có sụt giảm nghiêm trọng trong thời kỳ dịch Covid nhưng đã có bước hồi phục đáng kinh ngạc và tiếp tục chiếm tỷ trọng đáng kể. Tuy vậy, thực tiễn lịch sử cũng chứng minh, một sự khai thác tràn lan, một sự phát triển thiếu định hướng, một sự thiên lệch về mục tiêu kinh tế... sẽ khiến cho du lịch thực sự trở thành một trong những nhân tố làm cản trở sự phát triển bền vững. Cái giá phải trả có thể là rất đắt và không biết sẽ mất bao nhiêu lâu để có thể tạo dựng lại một môi trường sinh thái như ban đầu để con người tiếp tục được hưởng dụng chính môi trường sinh thái của mình. Chính vì vậy, cùng với tính tất yếu của phát triển du lịch, sử dụng đòn bẩy du lịch để phát triển kinh tế xã hội địa phương, tăng giao lưu văn hóa, gìn giữ bản sắc dân tộc... không thể không nhắc nhở về tính tất yếu của việc cần giải quyết hiệu quả mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường sinh thái trong bối cảnh hiện nay ở Việt Nam.

* TS. Trường Đại học Mở - Địa chất.

2. NỘI DUNG

2.1. Chủ trương, chính sách cơ bản của Đảng và Nhà nước về phát triển du lịch

Trong bối cảnh hội nhập, phát triển du lịch được xem là đòn bẩy hữu dụng đóng góp tỷ trọng lớn vào việc phát triển kinh tế, ổn định an sinh xã hội, tăng cường giao lưu và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống. Rất nhiều quốc gia đã biết nắm bắt thời cơ, tận dụng nguồn lực tài nguyên sẵn có để phát triển du lịch. Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Phát triển kinh tế du lịch, coi du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn nhưng không phải phát triển bằng mọi giá và đánh đổi để tận thu. Đảng và Nhà nước kịp thời đưa ra các chủ trương, chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển, gia tăng sự đóng góp và khẳng định tính mũi nhọn của ngành công nghiệp không khói.

Điểm mốc quan trọng trong phát triển ngành du lịch có thể kể đến đó là Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/1/2017 của Bộ Chính trị khóa XII về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn đã khẳng định: phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, trong đó có phát triển du lịch bền vững; bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa, các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; bảo vệ môi trường thiên nhiên; giải quyết tốt vấn đề lao động, việc làm và an sinh xã hội... Nghị quyết 08 đặt ra mục tiêu: phấn đấu đến năm 2030, du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của các ngành, lĩnh vực khác. Việt Nam thuộc nhóm các nước có ngành Du lịch phát triển hàng đầu khu vực Đông Nam Á. Nghị quyết 08 đề ra những nhiệm vụ cụ thể như: đổi mới nhận thức, tư duy về phát triển du lịch; cơ cấu lại ngành Du lịch bảo đảm tính chuyên nghiệp, hiện đại và phát triển bền vững theo quy luật của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật ngành Du lịch; tăng cường xúc tiến quảng bá du lịch...

“Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030” là đột phá chính sách cho phát triển du lịch Việt Nam trong giai đoạn mới, cụ thể hóa Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16-1-2017, của Bộ Chính trị, về “Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn” và Luật Du lịch năm 2017. Mới đạt được những tín hiệu khả quan đầu tiên thì ngành du lịch gặp khó khăn, “năm 2020, đại dịch bệnh toàn cầu COVID-19 gây ảnh hưởng nghiêm trọng đối với các hoạt động kinh tế, thương mại, sinh hoạt và đi lại của người dân, tác động lớn đến du lịch thế giới nói chung và du lịch Việt Nam nói riêng. Chuỗi tăng trưởng liên tục 10 năm của du lịch Việt Nam bị “đứt gãy”, các chỉ tiêu phát triển du lịch trong năm 2020 không thể hoàn thành như mục tiêu Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đề ra” [1]. Sau đại dịch, ngành du lịch Việt Nam vượt qua giai đoạn trì trệ và có những tín hiệu tích cực, đặc biệt là từ du lịch nội địa. Đầu tư hạ tầng, xây dựng lộ trình phát triển du lịch bền vững là định hướng phát triển có tính xuyên suốt của du lịch Việt Nam.

Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong lĩnh vực du lịch. Chính phủ nhận định: Khủng hoảng tài chính, bất ổn xã hội, cạnh tranh chiến lược và địa chính trị ngày càng quyết liệt, tiếp tục làm chia rẽ sâu sắc quan hệ quốc tế, tác động trực tiếp đến chính sách đối ngoại của các nước và làm thay đổi căn bản hoạt động du lịch quốc tế. Xu hướng chuyển làn sóng đầu tư và ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử trong lĩnh vực du lịch cùng các hiệu ứng từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới sẽ tạo ra cả cơ hội lẫn thách thức đối với sự phát triển của du lịch Việt Nam.

Ngày 18/5/2023, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 82/NQ-CP – Nghị quyết về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững với phương châm: Sản phẩm đặc sắc - Dịch vụ chuyên nghiệp - Thủ tục thuận tiện, đơn giản - Giá cả cạnh tranh - Môi trường vệ sinh sạch đẹp - Điểm đến an toàn, văn minh, thân thiện. Chính phủ cũng kịp thời chỉ đạo ngành Du lịch xây dựng và triển khai chương trình hành động Du lịch xanh giai đoạn 2023 -2025.

Ngày 23/2/2024, Thủ tướng đã ban hành Chỉ thị 08/CT-TTg về phát triển du lịch toàn diện, nhanh và bền vững thời gian tới. Thủ tướng Chính phủ chỉ thị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm quán triệt, nâng cao hơn nữa nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng, giá trị, hiệu quả và tính lan tỏa của ngành du lịch để phát huy tinh thần chủ động, tích cực, trách nhiệm của các chủ thể liên quan với cách tiếp cận toàn diện, toàn cầu, toàn dân theo tinh thần: "Nguồn lực bắt nguồn từ tư duy - Động lực bắt nguồn từ sự đổi mới - Sức mạnh bắt nguồn từ Nhân dân, doanh nghiệp"; tranh thủ thời cơ, tận dụng cơ hội để phát triển hệ sinh thái du lịch nhanh, toàn diện, bền vững, tạo động lực phát triển cho các ngành, lĩnh vực khác [1].

Tựu trung lại, qua khái quát những quan điểm, chính sách cơ bản của Đảng và Nhà nước về phát triển du lịch có thể nhận thấy Đảng và Nhà nước luôn nhất quán khẳng định du lịch tiếp tục là một ngành kinh tế mũi nhọn góp phần vào sự phát triển chung của đất nước. Chủ trương phát triển du lịch theo hướng bền vững, tạo động lực cho các ngành, các lĩnh vực khác luôn được quán triệt qua các kỳ Đại hội Đảng. Ngành du lịch đã khẳng định được vai trò của mình bằng những thành tựu cụ thể. Tuy vậy, thực tế cũng đang xác nhận những cái giá phải trả nếu chỉ tập trung phát triển du lịch mà không hoặc chưa giải quyết tốt vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái. Do vậy, trong thời gian tới, để phát triển du lịch, xây dựng du lịch xanh, mở rộng hệ sinh thái du lịch nhanh, toàn diện... tất yếu phải quan tâm và xử lý tốt mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường sinh thái. Có như vậy mới tạo tiền đề vững chắc cho phát triển du lịch bền vững nói riêng và góp phần vào công cuộc phát triển đất nước nói chung.

2.2. Quan hệ biện chứng giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường sinh thái

Để phát triển du lịch bền vững, cùng với việc xây dựng môi trường du lịch văn hóa, văn minh thông qua việc hoàn thiện khung hành lang pháp lý, tiến hành giáo dục, thuyết phục, động viên chủ thể và khách thể tham gia du lịch thì còn phải gắn với bảo vệ môi trường sinh thái – bảo vệ nền tảng sẵn có của du lịch. Bảo vệ môi trường sinh thái hiện đang tiếp tục được coi là vấn đề sống còn của du lịch các nước trên thế giới trong đó có Việt Nam. Chính vì vậy, giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường sinh thái chính là yếu tố có tính quyết định để phát triển du lịch bền vững.

Thứ nhất, sự thống nhất giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường sinh thái. Thực tế là, sự phát triển của bất kỳ ngành kinh tế, dịch vụ nào cũng sẽ trực tiếp hoặc gián tiếp gắn liền với vấn đề môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Ở giai đoạn đầu của phát triển du lịch, mối quan hệ cộng sinh thể hiện tính thống nhất giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường sinh thái là tất yếu bởi tài nguyên sẵn có, môi trường sinh thái địa phương là yếu tố nền tảng đặt nền móng cho sự phát triển du lịch. Chính vì vậy, nền móng này ngay từ đầu đã được gìn giữ, bảo vệ một cách tất yếu và tự phát. Ở giai đoạn đầu này, mối quan hệ cộng sinh, thống nhất giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường là mang tính tự phát bởi lúc này mức độ sử dụng tài nguyên và các tác động của phát triển du lịch đến môi trường còn ở mức độ thấp. Mức độ thấp này thực tế khó duy trì lâu dài bởi du lịch càng phát triển thì mức độ sử dụng nguồn tài nguyên càng nhiều, tác động vào môi trường sinh thái càng lớn nhưng quan hệ cộng sinh không phải vì thế mà bị giảm dần hay mất đi.

Trên thực tế, quan hệ cộng sinh, thống nhất giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường sinh thái sẽ càng ngày càng phải gia tăng, nhất là trong phát triển bền vững. “Trong du lịch, môi trường được xem là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, tính hấp dẫn của các sản phẩm du lịch, các khu, điểm du lịch, qua đó ảnh hưởng đến khả năng thu hút khách, đến sự tồn tại của hoạt động du lịch” [3;36]. Sự tác động tích cực của phát triển du lịch đến môi trường sinh thái chính là ở việc khai thác, gìn giữ và tái tạo môi trường phục vụ cho du lịch thông qua các hoạt động như: trồng lại rừng để tái sinh hệ sinh thái, thăm thực vật, sinh vật; quy hoạch cảnh quan, duy trì, bảo dưỡng, thu gom rác thải, làm sạch nguồn nước, kiểm soát chất lượng không khí...

Xu hướng du lịch sinh thái, du lịch xanh đang ngày càng phát triển và nó đặt ra yêu cầu ngày càng khắt khe hơn về các tiêu chí môi trường. Khách du lịch thế hệ mới, nhất là thế hệ gen Z đa số theo chọn cảnh quan tự nhiên, yêu môi trường hoang sơ. Họ có xu hướng tìm về những giá trị văn hóa đặc sắc và sinh thái nguyên sơ. Khách du lịch nói chung, thế hệ gen Z nói riêng đang cho thấy sự tôn trọng và có trách nhiệm

với môi trường ngày càng cao khi du lịch sinh thái xanh trở nên thịnh hành. Cùng với đó, hướng chuyển đổi xanh trong phát triển du lịch bền vững không chỉ mang lại lợi ích cho môi trường tự nhiên, thúc đẩy bảo tồn tính đa dạng sinh học mà chính nó còn góp phần nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống cho các cộng đồng dân cư địa phương. Đây chính là yêu cầu khách quan thúc đẩy sự gắn kết, gia tăng tính thống nhất trong mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường. Nói cách khác, yếu tố thuận lợi là, việc bảo vệ môi trường sinh thái không chỉ là yêu cầu đối với ngành du lịch mà là yêu cầu cấp bách trong phát triển kinh tế - xã hội - văn hóa của Việt Nam nói chung. Tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 Thủ tướng đã phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu tăng cường đầu tư tài chính nhằm mục tiêu bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu với những nhiệm vụ cụ thể như: Định hướng phân vùng môi trường; Định hướng bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; Định hướng hình thành các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh; Định hướng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia và cấp tỉnh.

Nhìn chung, đại đa số các điểm du lịch ở Việt Nam đều xuất phát dựa trên yếu tố địa bàn, tài nguyên sẵn có và đều phải xử lý mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường sinh thái. Top các khu du lịch sinh thái của Việt Nam đến nay vẫn còn bảo tồn được về cơ bản hệ sinh thái và duy trì sức hút đối với du khách một cách thường xuyên, liên tục có thể kể đến như: Hệ sinh thái Hàm Rồng, Sa Pa; khu sinh thái Tràng An, Ninh Bình; vườn Quốc gia Ba bể, Bắc Kạn; khu du lịch Pù Luông, Thanh Hóa; khu sinh thái Cần Giờ, Hồ Chí Minh; khu Bà Nà - Suối Mơ, Đà Nẵng; khu Yang Bay, Khánh Hòa; khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm; khu du lịch sinh thái Măng đen; Vườn Quốc gia Cát Tiên... Phát triển du lịch dựa trên tài nguyên sẵn có, bảo vệ môi trường, bảo vệ hệ sinh thái trong quá trình khai thác các dịch vụ du lịch cũng chính là bảo vệ và duy trì tính cộng sinh, thống nhất của mối quan hệ phát triển du lịch và bảo vệ môi trường. Tính thống nhất và cộng sinh này đặt ra bài toán về lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài của địa phương, của các công ty lữ hành, của doanh nghiệp, bài toán về cường độ nhất thời và tốc độ bền vững... trong phát triển du lịch. Đặt ra tiêu chí, điều kiện và từng bước giải các bài toán khó này cần sự vào cuộc, đồng hành, phối kết hợp của tất cả các chủ thể có liên quan.

Thứ hai, sự lệch pha, mâu thuẫn giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường sinh thái. Sự lệch pha, tính mâu thuẫn này xảy ra là tất yếu trong phát triển du lịch nói chung. Phát triển du lịch quá mức, chỉ quan tâm đến những chỉ số định lượng về kinh tế, xã hội như: số khách lữ hành, nguồn kinh phí thu được, đóng góp vào ngân sách chung của địa phương, tỉnh, giảm tỷ lệ thất nghiệp... mà không quan tâm đến bảo tồn, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học sẽ phải chịu những hậu quả nghiêm trọng lâu dài. Chẳng hạn như việc phát triển du lịch theo hướng thời vụ, mở rộng quy mô, khai

thác ồ ạt, tận thu... không chỉ gây hậu quả trực tiếp đối với môi trường mà về lâu dài còn ảnh hưởng đến chính cộng đồng dân cư tại điểm khu du lịch đó. Người dân địa phương - một trong những đối tượng được hưởng lợi đầu tiên, trực tiếp từ môi trường thiên nhiên ưu đãi, từ những giá trị mà phát triển du lịch mang lại nhưng cũng chính họ là chủ thể chịu tác động mạnh khi mâu thuẫn giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường trở nên gay gắt.

Tác động của phát triển du lịch đến môi trường cho thấy nhiều ảnh hưởng tiêu cực chẳng hạn hoạt động du lịch phổ biến như leo núi, tham quan hang động, cắm trại trong rừng... làm ảnh hưởng trực tiếp đến thảm thực vật tự nhiên. Cùng với đó là việc xây dựng hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, trạm, nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống... phục vụ du lịch đã làm thay đổi địa hình, phá dần cảnh quan, thậm chí sẽ không thể khôi phục hiện trạng như ban đầu ngay cả khi có gói đầu tư lớn. Ảnh hưởng khác của phát triển ồ ạt du lịch có thể kể đến như: tăng lượng rác thải, ô nhiễm nguồn nước, tăng nguy cơ xói mòn đất, sa mạc hóa làm phá vỡ cảnh quan, suy thoái tính đa dạng sinh học, nguy cơ phá vỡ hệ sinh thái vốn có, làm biến đổi và cạn kiệt các thảm tài nguyên sẵn có, giảm tính đa dạng của các hệ động thực vật biến như: san hô, rong biển, rừng ngập mặn...

Sự lệch pha, tính mâu thuẫn trong mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường cũng có thể được xem xét ở góc độ mối quan hệ giữa nhân tố chủ quan - công ty lữ hành, người làm du lịch và các bộ phận có liên quan với điều kiện khách quan vốn có - môi trường, văn hóa, kinh tế địa phương. Khi phát triển du lịch, có thể thấy nhân tố chủ quan sẽ không ngừng mở rộng thì điều kiện khách quan lại gắn liền với các tính chất như đặc thù, thuần nhất, riêng có. Yêu cầu xuất phát từ điều kiện khách quan và phát huy nhân tố chủ quan trong xử lý mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường đòi hỏi cần nghiên cứu, thống kê, điều tra và giải quyết từng bước tác động tiêu cực của du lịch đối với môi trường sinh thái nói riêng và môi trường nói chung. Với tính chất riêng có và đặc điểm vùng miền, mỗi địa phương trên đất nước Việt Nam bao gồm cả địa phương đã, đang phát triển du lịch và cả những địa phương không trực tiếp khai thác được từ du lịch đều nằm trong dây chuyền phát triển chung. Nói cách khác, phát triển du lịch tất yếu sẽ tạo ra những ảnh hưởng đối với môi trường, xử lý hiệu quả mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường sẽ góp phần vào công cuộc phát triển bền vững du lịch nói riêng và phát triển kinh tế, xã hội địa phương cũng như đóng góp vào việc bảo vệ môi trường sống nói chung và sự phát triển bền vững của đất nước. Đây vừa là vấn đề cấp bách đòi hỏi phải có các biện pháp tức thời, ngắn hạn, vừa là vấn đề có tính chiến lược lâu dài.

2.3. Một số đề xuất, khuyến nghị trong xử lý mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay

Quan điểm về phát triển bền vững ngành du lịch Việt Nam hiện nay về cơ bản theo hệ chuẩn với ba tiêu chí: môi trường bền vững, xã hội bền vững, kinh tế bền

vững. Những tiêu chí này chính là nguyên tắc xuất phát trong giải quyết mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường để tránh rơi vào tình trạng phải khắc phục quá nhiều hậu quả như thu được lợi nhỏ, trước mắt từ du lịch mà phải đầu tư nhiều, lâu dài để cải thiện môi trường sinh thái. Trong thời gian qua, với nhiều chủ trương, chính sách hợp lý, du lịch bền vững của Việt Nam đã có những bước tăng trưởng mạnh, đặc biệt là sự phục hồi sau đại dịch Covid 19. Trong thời gian tới, để tiếp tục phát triển du lịch bền vững rất cần tiếp tục đặt trọng tâm ở công tác bảo vệ môi trường. Tựu trung lại, để giải quyết tốt và tạo ra những tác động tích cực, những bước đi đồng điệu, hiệu quả trong xử lý mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường cần lưu ý một số khuyến nghị như sau:

Một là, cần quán triệt các nguyên tắc phương pháp luận - nguyên tắc Toàn diện, Phát triển, Lịch sử cụ thể trong giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường. Các chính sách, kế hoạch đầu tư, khai thác, phát triển du lịch phải đi đôi với kế hoạch bảo vệ môi trường trên cơ sở có tính đến yếu tố thời điểm, đặc điểm vùng miền và cả quy mô, lộ trình, các bước triển khai.

Hai là, cần học tập các bài học kinh nghiệm trong xử lý hiệu quả mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường từ các quốc gia phát triển du lịch bền vững. Chẳng hạn như: Du khách phải cam kết bảo vệ môi trường khi đến thăm đảo quốc Palau; luật “Người bản địa xác định” của Philippines; quy định của Buhtan về việc hạn chế số lượng khách du lịch trong khả năng đáp ứng của cơ sở hạ tầng, khách quốc tế phải đi theo chương trình du lịch sinh thái, văn hóa của các công ty lữ hành, không được đi lẻ; Thái Lan ban hành nhiều biện pháp thúc đẩy du lịch theo hướng bền vững như: hạn chế số lượng khách tham quan trong ngày và nghỉ qua đêm; du khách phải đóng quỹ bảo vệ môi trường, các khu vực đặc biệt phải được cấp phép và đăng ký với hướng dẫn viên được cấp phép...

Ba là, cần có sự điều tra tổng thể, tính toán quy mô và sức chứa của mỗi địa phương, mỗi khu du lịch sinh thái để từng bước đưa ra những mức giới hạn phù hợp trong việc điều tiết lưu lượng khách du lịch tránh để tái diễn tình trạng “tràn bể chứa” theo tính thời vụ gây ra hậu quả nghiêm trọng về cả môi trường và tương lai phát triển ngành du lịch.

Bốn là, tăng cường sự phối kết hợp giữa các bộ phận liên quan đến hoạt động du lịch và bảo vệ môi trường. Gia tăng hành lang giám sát chặt chẽ các hoạt động du lịch sinh thái bằng sự tham gia vào cuộc của các chuyên gia, các lực lượng chức năng. Tăng cường quảng bá, giáo dục, tuyên truyền về bảo vệ môi trường đến du khách, cộng đồng dân cư sở tại. Công bố kế hoạch và chiến lược đầu tư, ưu tiên đầu tư, chế độ ưu đãi... đối với các dự án du lịch xanh.

3. KẾT LUẬN

Phát triển du lịch bền vững trên cơ sở khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên sẵn có là một thế mạnh của các quốc gia như Việt Nam. Hiện nay du lịch Việt Nam vẫn đang phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức như: cạnh tranh khốc liệt, bất ổn chính trị, biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan... Trong khi đó, thị hiếu nhu cầu du lịch thế giới, trong nước cũng đang thay đổi mạnh theo hướng về gần với tự nhiên và các giá trị truyền thống. Khách du lịch ngày càng có xu hướng đề cao, ưu tiên các khu du lịch sinh thái nguyên sơ, giá trị văn hóa tâm linh, truyền thống. Chính vì vậy, việc giải quyết tốt hơn nữa mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường sinh thái trong thời gian tới cần: quán triệt các nguyên tắc Toàn diện, Phát triển, Lịch sử cụ thể; tăng cường sự phối kết hợp giữa các bộ phận liên quan; tổng kết thực tiễn và học tập kinh nghiệm của các quốc gia khác... Đây là một vấn đề vừa có tính cấp bách vừa có ý nghĩa chiến lược lâu dài đòi hỏi phải có sự tham gia, vào cuộc của nhiều ban ngành và nhân dân, nhất là nhân dân địa phương tại chính các khu du lịch – những người trực tiếp hưởng dụng giá trị thành quả phát triển du lịch, bảo vệ môi trường sinh thái. Một ngành du lịch phát triển bền vững dựa trên một hệ sinh thái xanh, môi trường sinh thái được bảo vệ sẽ không chỉ góp phần vào tỷ trọng nguồn thu cho ngân sách nhà nước, phát triển kinh tế địa phương, tạo thêm công ăn việc làm cho người dân... mà hơn thế nữa, nó góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước và góp phần duy trì sự đa dạng sinh học, hệ sinh quyền xanh, lá phổi cho trái đất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Chỉ thị số 08/CT-TTg về phát triển du lịch toàn diện, nhanh và bền vững thời gian tới*. Theo <https://dangcongsan.vn/thoi-su/thu-tuong-chi-thi-phat-trien-du-lich-toan-dien-nhanh-va-ben-vung-660104.html>

[2] Nguyễn Trùng Khánh (2021), Chiến lược phát triển du lịch trước những thách thức mới hiện nay, *Tạp chí Cộng sản*.
<https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/kinhte/2018/823796/chien-luoc-phat-trien-du-lich-truoc-nhung-thach-thuc-moi-hien-nay.aspx>

[3] PGS.TS Bùi Thanh Thủy (2020), *Tác động của du lịch đến đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư tại một số khu du lịch đồng bằng Bắc bộ*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.